

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 tháng 02

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 07 – 08/02/2023

Ngày cung cấp TT: 09/02/2023

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công đóng.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Tràng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công mở.
7	7	Công Cỏ Đam	Công mở.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công đóng.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đập đóng.
10	16	Đập Vùa (CG12)	Đập đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Tổng cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 và kết quả đo đạc tại hiện trường, nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2: Các vị trí đạt giới hạn trên, **Cống Sông Chanh, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cỏ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập La Chợ, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Đầu kênh C9, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đầu kênh CG 16, Đầu kênh S48, Đập Vùa (CG12), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh).**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Dùng cho giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên,**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích trên:

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2015 A1				6 – 8.5		6		2		
QCVN 08:2015 A2				6 – 8.5		5		5		
QCVN 08:2015 B1				5.5 – 9		4		10		
QCVN 08:2015 B2				5.5 – 9		2		15		
1	Cống Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 99%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mục nước ngoài	7.04	26.1	6.02	2	0.070	256	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.							
2	Cống Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 99%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mục nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.	6.87	22	6.04	0.2	0.092	292	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió TB 13 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng, trạm bơm không hoạt động. Mục nước nội đồng thấp hơn ngoài sông. Nước màu vàng đục.	7.7	27.5	6.9	0.2	0.653	273	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A1
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 100%,	7.08	41.8	5.51	0.5	2.543	732	Giá trị các chỉ

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
		sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	gió TB 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng lục.							tiêu đạt giới hạn cho phép A2
5	Cống Nhâm Tràng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phân phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 97%, gió ĐB 16 km/h. Không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Cống đóng, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.	7.04	20.1	5.26	0.4	0.398	593	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
6	Cống Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 91%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở tiêu nước ra sông. Nước màu vàng đục.	6.97	38.2	5.36	0.4	0.405	567	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>6</i>		<i>2</i>		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>5</i>		<i>5</i>		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>4</i>		<i>10</i>		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>2</i>		<i>15</i>		
7	Cống Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Cổ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 91%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	7.36	26.7	5.18	0.4	0.473	692	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước ngoài sông cao hơn nội đồng. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu vàng đục.	6.87	41.6	5.7	0.4	0.142	506	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải dọc thành phố Nam Định, nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm	Trời âm u, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 100%, gió TB 13 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.	7.22	35.3	5.27	0.3	0.356	445	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
		Cốc Thành.								
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 100%, gió TB 14 km/h. Dòng chảy chậm về phía ngã ba sông. Khu vực lấy mẫu ảnh hưởng nước thải từ khu công nghiệp Bảo Minh. Nước màu vàng lục.	7.17	60.2	5.45	1	7.200	1280	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng đục.	6.89	48.7	5.46	0.3	0.284	413	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Đập đóng, không có dòng chảy. Mực nước sông Sắt cao hơn sông Châu Giang. Nước màu vàng lục.	6.87	23.4	4.42	0.3	0.263	381	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>6</i>		<i>2</i>		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>			<i>6 – 8.5</i>			<i>5</i>		<i>5</i>		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>4</i>		<i>10</i>		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>			<i>5.5 – 9</i>			<i>2</i>		<i>15</i>		
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 99%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng chảy, nước cạn. Nước màu vàng lục.	6.78	24.1	4.5	0.3	0.765	536	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
14	Đập La Chờ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Chân đập có rác thải. Nước màu vàng đục.	6.76	90.1	5.3	0.2	0.140	351	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Trên kênh có nhiều rác thải. Nước màu vàng lục.	6.77	37.5	4.4	0.4	0.810	594	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép B1
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 99%, gió ĐB 15 km/h. Không có dòng	6.81	23.3	4.06	0.2	0.473	350	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
			chảy. Đập đóng. Mực nước sông Châu Giang cao hơn nội đồng. Nước màu vàng đục.							cho phép B1
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời âm u, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ. Nước màu vàng lục.	6.93	17.9	5.29	0.3	2.745	426	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời âm u, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 89%, gió ĐB 17 km/h. Dòng chảy chậm về phía Cỏ Đam. Nước màu vàng đục.	7.25	23.6	5.23	0.3	0.428	634	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông)	Đánh giá nhanh chất lượng nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất:	Trời âm u, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 100%, gió TB 14 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Khu	7.17	59.7	5.83	0.9	5.783	1130	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2015 A1</i>		6 – 8.5		6		2		
		<i>QCVN 08:2015 A2</i>		6 – 8.5		5		5		
		<i>QCVN 08:2015 B1</i>		5.5 – 9		4		10		
		<i>QCVN 08:2015 B2</i>		5.5 – 9		2		15		
	Chanh)	dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	vực lấy mẫu nhận nước thải từ KCN Bảo Minh. Trên kênh dày đặc bèo. Nước màu vàng lục.							
20	Đầu kênh T6	Nước thải TP. Nam Định nhưng vẫn được sử dụng tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời âm u, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió ĐB 14 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng. Nước màu vàng lục. Khu vực lấy mẫu nhận nước thải chăn nuôi của hộ dân ở chân cầu.	6.8	48.3	5.71	0.4	1.260	516	Giá trị các chỉ tiêu đạt giới hạn cho phép A2

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2023

ĐƠN VỊ QUAN TRÁC